

Chính sách dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số: Thực trạng và giải pháp

Trần Thị Yên

Email: yentt@vnies.edu.vn
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Số 4 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội,
Việt Nam

TÓM TẮT: Luật Giáo dục năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Khi Luật Giáo dục có hiệu lực đòi hỏi các văn bản dưới Luật cần sửa đổi, điều chỉnh hoặc ban hành mới để phù hợp với quy định của Luật Giáo dục. Vì vậy, bài viết tập trung nghiên cứu thực trạng thực hiện những quy định về dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số trong Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT và đề xuất những giải pháp sửa đổi, bổ sung để nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả thực hiện trong thực tế.

TỪ KHÓA: Chính sách, chính sách ngôn ngữ, dân tộc thiểu số, tiếng dân tộc thiểu số, dạy và học tiếng dân tộc thiểu số.

→ Nhận bài 13/12/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 16/01/2023 → Duyệt đăng 15/3/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310306>

1. Đặt vấn đề

Chính sách dạy tiếng dân tộc thiểu số là một nội dung chính sách ngôn ngữ, là sự cụ thể hóa những quan điểm, chủ trương và biện pháp của nhà nước, nhằm tác động một cách có ý thức theo một định hướng nhất định và phát triển của ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh chính trị của đất nước. Dạy tiếng dân tộc thiểu số cho chính người dân tộc và các dân tộc khác cùng sinh sống ở trong một vùng địa lí, một địa phương không chỉ góp phần bảo tồn, phát huy và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số mà còn đảm bảo môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng này.

Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số là một trong những chính sách ngôn ngữ của Chính phủ. Trong đó có quy định về dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức đang công tác ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số. Những quy định của Thông tư đã hướng dẫn, giải thích và cụ thể hóa những quy định mang tính chung trong các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành, tạo điều kiện cho các địa phương và các cơ sở giáo dục thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức viên chức đang công tác ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, một số quy định của Thông tư không còn phù hợp cần có điều chỉnh bổ sung. Vì vậy, bài viết tập

trung đánh giá thực trạng thực hiện thông tư và đề xuất giải pháp điều chỉnh, sửa đổi bổ sung nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả của chính sách trong điều kiện mới. *Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu thuộc đề tài cấp Bộ, mã số B2022 -VKG-16. Tác giả trân trọng cảm ơn các địa phương vùng dân tộc thiểu số và miền núi, thành viên đề tài đã phối hợp để có những thông tin trong bài viết này.*

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số quan niệm, khái niệm cơ bản

- **Chính sách:** Chính sách là định hướng hành động do nhà nước lựa chọn để giải quyết những vấn đề phát sinh trong đời sống cộng đồng phù hợp với thái độ chính trị trong mỗi thời kì nhằm giữ cho xã hội phát triển theo định hướng. Hay nói cách khác, chính sách là một chuỗi các quyết định của nhà nước được thực thi trên thực tế nhằm giải quyết một vấn đề đang đặt ra trong đời sống kinh tế - xã hội theo mục tiêu xác định [1].

- **Chính sách ngôn ngữ:** Chính sách ngôn ngữ là những gì chính phủ thực hiện chính thức thông qua luật pháp, quyết định của tòa án hoặc chính sách để xác định cách sử dụng ngôn ngữ, trau dồi các kĩ năng ngôn ngữ cần thiết để đáp ứng các ưu tiên quốc gia hoặc thiết lập quyền của các cá nhân hoặc nhóm sử dụng và duy trì ngôn ngữ. Nói cách khác, chính sách ngôn ngữ là hệ thống những quan điểm, chủ trương và biện pháp của nhà nước, hoặc của một tổ chức chính trị - xã hội

nhằm tác động một cách có ý thức theo một định hướng nhất định và phát triển của ngôn ngữ phù hợp với cảnh huống ngôn ngữ và bối cảnh chính trị [2].

- **Đánh giá chính sách:** Đánh giá chính sách là xem xét, nhận định về giá trị các kết quả đạt được khi ban hành và thực thi một chính sách. Các tiêu chí đánh giá chính sách gồm: 1) Tính hiệu lực: Tính hiệu lực của chính sách phản ánh mức độ tác động, ảnh hưởng của chính sách đó trên thực tế, làm biến đổi hoặc duy trì thực tế theo mong muốn của Nhà nước. Tính hiệu lực của chính sách thể hiện ở mức độ đạt được các mục tiêu đề ra; 2) Tính hiệu quả: Phản ánh tương quan so sánh giữa kết quả do chính sách đưa lại với chi phí đã bỏ ra; 3) Tính kinh tế: Phản ánh thông qua việc đo lường về mức độ tiết kiệm được các nguồn lực cho triển khai một chính sách cụ thể; 4) Tính công bằng: Thể hiện ở sự phân bổ hợp lý các chi phí và lợi ích, các quyền và nghĩa vụ giữa các chủ thể tham gia hoạch định, thực thi chính sách và các nhóm đối tượng liên quan đến chính sách; 5) Tính phù hợp: Phù hợp với hiến pháp, pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan, phù hợp với bối cảnh và nhu cầu phát triển của quốc gia; 6) Tính khả thi: Phản ánh ở khả năng thực hiện trên thực tế của một chính sách; 7) Tác động của chính sách: Phản ánh kết quả đầu ra hay kết quả cuối cùng của chính sách; 8) Mức độ giải quyết vấn đề của chính sách: Thể hiện ở các mục tiêu của chính sách [3].

Bảng 1: Địa bàn khảo sát

TT	Tỉnh	Địa bàn khảo sát	Số lượng được khảo sát	Tỉ lệ (%)
1	Bình Định	- Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định; - Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định.	10	9.62
2	Cần Thơ	- Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ; - Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Cần Thơ.	11	10.58
3	Đắk Lắk	- Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk; - Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Đắk Lắk.	17	16.35
4	Hà Giang	- Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang; - Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Hà Giang; - Trường Cao đẳng Hà Giang.	17	16.35
5	Lai Châu	- Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu; - Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Lai Châu.	15	14.42
6	Phú Yên	- Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên; - Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh.	7	6.73
7	Sơn La	- Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La; - Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Sơn La. - Trường Cao đẳng Sơn La.	15	14.42
8	Trà Vinh	- Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh; - Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Trà Vinh.	12	11.54
TỔNG			104	100

(Nguồn: Báo cáo khảo sát thực tế của đề tài B2022-VKG-16, năm 2022)

2.2. Thực trạng thực hiện chính sách dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số

2.2.1. Mô tả hoạt động tổ chức khảo sát thực tiễn

- **Mục đích khảo sát thực tiễn:** Thu thập thông tin thực trạng thực hiện chính sách dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số, làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp đổi mới việc dạy tiếng dân tộc thiểu số và sửa đổi, bổ sung chính sách ngôn ngữ.

- **Nội dung khảo sát:** Thu thập thông tin định lượng và định tính về thực trạng các công tác quản lý tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức công tác ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số, qua đó xác định những ưu điểm; những tồn tại, bất cập và nguyên nhân.

- **Đối tượng khảo sát:** Cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục được giao nhiệm vụ dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức, viên chức đã học tiếng dân tộc thiểu số.

- **Địa bàn và thời gian khảo sát:** Gồm 8 tỉnh và thực hiện từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 7 năm 2022 (xem Bảng 1).

- **Phương pháp và công cụ khảo sát:** 1) Phương pháp khảo sát: Dùng phiếu hỏi để thu thập thông tin từ giáo viên và cán bộ quản lý; dùng câu hỏi để phỏng vấn/thảo luận giáo viên và cán bộ quản lý; thu thập các thông tin

từ báo cáo của nhà trường/sở giáo dục và đào tạo; ghi chép thông tin quan sát từ thực tiễn nhà trường; 2) Công cụ khảo sát: Phiếu hỏi cán bộ quản lý, giáo viên, học viên; Câu hỏi phỏng vấn/ thảo luận nhóm cán bộ quản lý, giáo viên; Bảng biểu thu thập thông tin, số liệu.

- *Phương pháp và kỹ thuật xử lý dữ liệu:* Dùng phần mềm Excel thống kê dữ liệu, xử lý bảng tính, vẽ biểu đồ,... dùng phần mềm thống kê SPSS để xử lý thông tin sơ cấp thu được từ khảo sát thực tế. Kỹ thuật xử lý thông tin thu được từ phiếu hỏi. Các tham số thống kê khi phân tích dữ liệu được xác định như sau: Thống kê tần suất, giá trị trung bình, phương sai và độ lệch chuẩn.

2.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

Trên cơ sở các quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số của Thông tư số 36/2012/TT - BGDĐT, nghiên cứu đã thu thập được nhiều thông tin, bài viết chỉ nêu thực trạng về một số quy định chủ yếu sau:

a. Quy định về giao nhiệm vụ dạy tiếng dân tộc thiểu số cho các cơ sở giáo dục

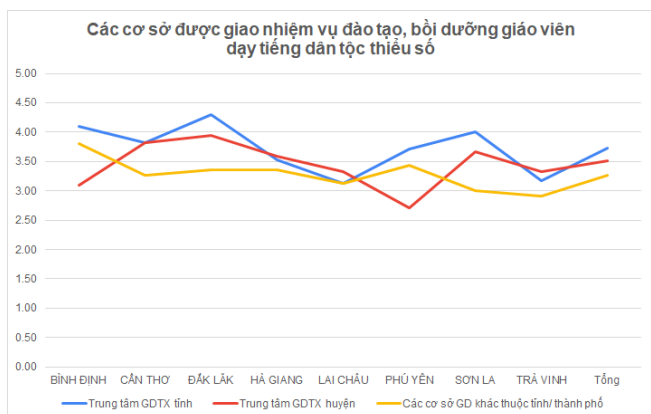
Kết quả khảo sát thu được từ các tỉnh cho thấy có sự khác nhau về giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Tỉnh Bình Định có giá trị trung bình từ 3.10 - 4.10, độ lệch chuẩn từ 1.197 - 1.317; tỉnh Cần Thơ có giá trị trung bình từ 3.27 - 3.82, độ lệch chuẩn từ 1.079 - 1.421; tỉnh Đắk Lắk có giá trị trung bình từ 3.35 - 4.29, độ lệch chuẩn từ 0.849 - 1.455; tỉnh Hà Giang có giá trị trung bình từ 3.35 - 3.59, độ lệch chuẩn từ 1.278 - 1.625; tỉnh Lai Châu có giá trị trung bình từ 3.13 - 3.33, độ lệch chuẩn từ 1.113 - 1.727; tỉnh Phú Yên có giá trị trung bình từ 2.71 - 3.71, độ lệch chuẩn từ 1.134 - 1.496; tỉnh Sơn La có giá trị trung bình từ 3.00 - 4.00, độ lệch chuẩn từ 1.069 - 1.604; tỉnh Trà Vinh có giá trị trung bình từ 2.92 - 3.33, độ lệch chuẩn từ 1.073 - 1.379. Sự chênh lệch về giá trị trung bình không lớn khăng định

không có ý kiến, đồng ý, hài lòng về quy định. Độ lệch chuẩn cho biết các ý kiến khá tập trung. Biểu đồ dưới đây thể hiện giá trị trung bình các ý kiến về giao nhiệm vụ dạy tiếng dân tộc thiểu số (xem Biểu đồ 1).

Kết quả thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu từ các sở giáo dục và đào tạo, trung tâm giáo dục thường xuyên và các học viên được học tiếng dân tộc thiểu số tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, các ý kiến đều đồng ý với quy định về giao nhiệm vụ dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức của Thông tư 36. Những vướng mắc trong quy định không phải là vấn đề lớn đối với các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, bất cập ở chỗ đơn vị được giao nhiệm vụ dạy tiếng dân tộc thiểu số lại thiếu nguồn lực giáo viên, đơn vị có nguồn lực giáo viên chưa được giao nhiệm vụ dạy tiếng dân tộc thiểu số.

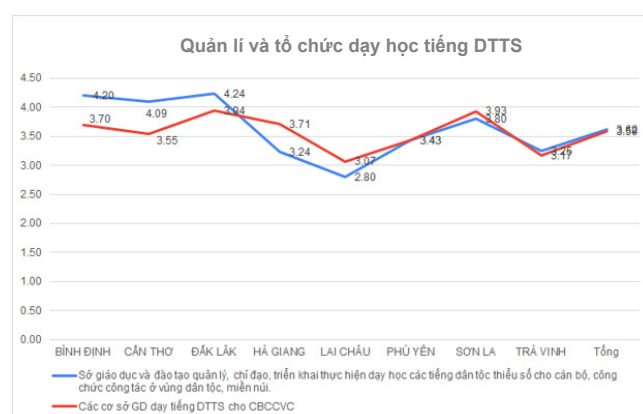
b. Quy định về quản lý và tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, viên chức

Kết quả khảo sát thu được cho thấy các ý kiến có sự khác nhau với các địa phương, song cũng khá tập trung, cụ thể như sau: Tỉnh Bình Định có các giá trị trung bình là 3.70 và 4.20, độ lệch chuẩn là 0.823 và 1.033; tỉnh Cần Thơ có các giá trị trung bình là 3.55 và 4.09, độ lệch chuẩn là 0.831 và 1.293; tỉnh Đắk Lắk có các giá trị trung bình là 3.94 và 4.24, độ lệch chuẩn là 0.752 và 0.899; tỉnh Hà Giang có các giá trị trung bình là 3.24 và 3.71, độ lệch chuẩn là 1.359 và 1.640; tỉnh Lai Châu có các giá trị trung bình là 2.80 và 3.07, độ lệch chuẩn là 1.387 và 1.521; tỉnh Phú Yên có các giá trị trung bình là 3.43 và 3.43, độ lệch chuẩn là 1.397 và 1.512; tỉnh Sơn La có các giá trị trung bình là 3.80 và 3.93, độ lệch chuẩn là 1.146 và 1.163; tỉnh Trà Vinh có các giá trị trung bình là 3.17 và 3.25, độ lệch chuẩn là 1.193 và 1.422. Biểu đồ 2 phản ánh giá trị trung bình mức độ đánh giá quy định về tổ chức và quản lý tại Thông tư 36 qua kết quả thu được từ phiếu khảo sát.



(Nguồn: Báo cáo xử lý thông tin khảo sát thực tế của Đề tài B2022-VKG-16, năm 2022)

Biểu đồ 1: Các cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số



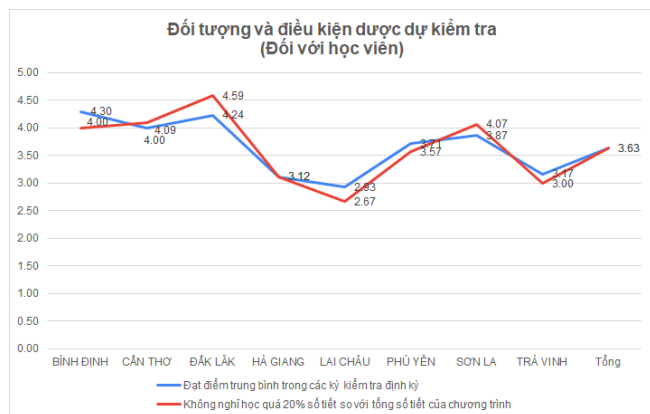
(Nguồn: Báo cáo xử lý thông tin khảo sát thực tế của Đề tài B2022-VKG-16, năm 2022)

Biểu đồ 2: Quản lý và tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số

Qua thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu, kết quả thu được cơ bản trùng với kết quả thu được từ phiếu hỏi ý kiến. Điều mà còn nhiều ý kiến băn khoăn là việc phân cấp quản lý còn có những bất cập, tạo ra sự chông chéo trong quá trình thực hiện. Các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, viên chức nhưng không được phép cấp chứng chỉ. Các cơ sở giáo dục không đủ điều kiện dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, viên chức thì được cấp chứng chỉ.

c. Quy định về đối tượng và điều kiện được dự kiểm tra

Kết quả khảo sát riêng ở từng địa phương có sự chênh lệch về giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Tỉnh Bình Định có giá trị trung bình là 4.00 và 4.30, độ lệch chuẩn 0.832 và 1.155; tỉnh Cần Thơ có giá trị trung bình là 4.00 và 4.09, độ lệch chuẩn 0.701 và 0.775; tỉnh Đắk Lắk có giá trị trung bình là 4.24 và 4.59, độ lệch chuẩn 0.712 và 0.831; tỉnh Hà Giang có giá trị trung bình là 3.12 và 3.12, độ lệch chuẩn 1.453 và 1.495; tỉnh Lai Châu có giá trị trung bình là 2.67 và 2.93, độ lệch chuẩn 1.438 và 1.447; tỉnh Phú Yên có giá trị trung bình là 3.57 và 3.71, độ lệch chuẩn 1.134 và 1.254; tỉnh Sơn La có giá trị trung bình là 3.87 và 4.07, độ lệch chuẩn 1.100 và 1.187; tỉnh Trà Vinh có giá trị trung bình là 3.00 và 3.17, độ lệch chuẩn 1.79 và 1.337. Như vậy, giá trị trung bình giữa các địa phương có khác nhau, song khác nhau không quá lớn và đều nằm trong vùng hài lòng với các quy định. Độ lệch chuẩn cho biết các ý kiến khá tập trung, không có sự khác nhau nhiều (xem Biểu đồ 3).



(Nguồn: Báo cáo xử lý thông tin khảo sát thực tế của Đề tài B2022-VKG-16, năm 2022)

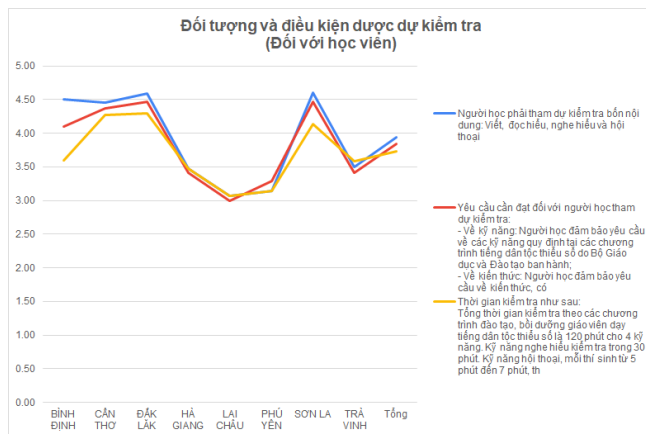
Biểu đồ 3: Đối tượng và điều kiện được dự kiểm tra

Qua thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu, kết quả thu được thống nhất với kết quả thu được từ xử lý phiếu hỏi ý kiến. Các ý kiến đồng ý với những quy định về đối tượng điều kiện được dự kiểm tra.

d. Quy định về nội dung, yêu cầu và thời lượng kiểm tra

Kết quả khảo sát xem xét riêng ở từng địa phương có sự chênh lệch về giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Tỉnh Bình Định có giá trị trung bình từ 3.60 - 4.50, độ lệch chuẩn từ 0.707 - 1.174; tỉnh Cần Thơ có giá trị trung bình từ 4.27 - 4.45, độ lệch chuẩn từ 0.522 - 0.674; tỉnh Đắk Lắk có giá trị trung bình từ 4.29 - 4.59, độ lệch chuẩn từ 0.507 - 0.772; tỉnh Hà Giang có giá trị trung bình từ 3.41 - 3.47, độ lệch chuẩn từ 1.505 - 1.586; tỉnh Lai Châu có giá trị trung bình từ 3.00 - 3.07, độ lệch chuẩn từ 1.580 - 1.668; tỉnh Phú Yên có giá trị trung bình từ 3.14 - 3.29, độ lệch chuẩn từ 1.345 - 1.380; tỉnh Sơn La có giá trị trung bình từ 4.13 - 4.60, độ lệch chuẩn từ 0.632 - 1.125; tỉnh Trà Vinh có giá trị trung bình từ 3.42 - 3.58, độ lệch chuẩn từ 1.311 - 1.382.

Kết quả khảo sát từ phiếu hỏi được khẳng định thêm qua thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu. Nhiều ý kiến chưa đồng tình với quy định nội dung, yêu cầu và thời lượng kiểm tra và cho rằng nên để các trường tự quy định theo quy định theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với cơ sở đào tạo. Mặt khác, những quy định mới về kiểm tra, đánh giá đã thay đổi sau khi Luật Giáo dục năm 2019 có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, các giá trị trung bình cho biết các quy định của thông tư cơ bản là phù hợp, song sự khác nhau khá lớn về độ lệch chuẩn cho biết các ý kiến phân tán, chưa thống nhất giữa các địa phương, các ý kiến về nội dung các quy định bao gồm cả phù hợp và chưa phù hợp (xem Biểu đồ 4).



(Nguồn: Báo cáo xử lý thông tin khảo sát thực tế của Đề tài B2022-VKG-16, năm 2022)

Biểu đồ 4: Đối tượng và học viên được dự kiểm tra về Quy định nội dung, yêu cầu và thời lượng kiểm tra

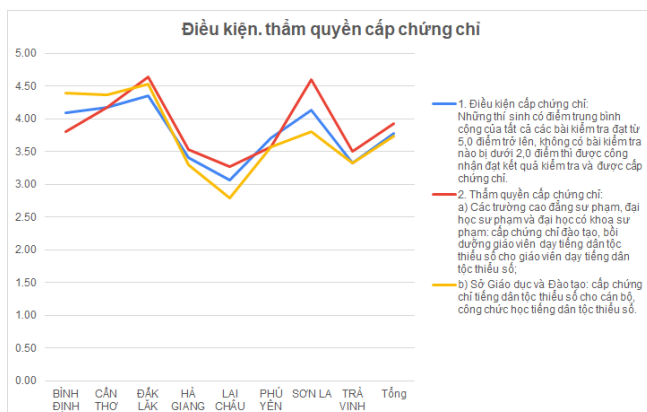
e. Quy định về điều kiện, thẩm quyền cấp chứng chỉ

Kết quả khảo sát xét riêng với từng địa phương có sự chênh lệch về giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Tỉnh Bình Định có giá trị trung bình từ 3.80 - 4.10, độ lệch chuẩn từ 0.699 - 1.317; tỉnh Cần Thơ có giá trị trung

bình từ 4.18 - 4.36, độ lệch chuẩn từ 0.505 - 0.874; tỉnh Đắk Lắk có giá trị trung bình từ 4.35 - 4.65, độ lệch chuẩn từ 0.493 - 0.702; tỉnh Hà Giang có giá trị trung bình từ 3.29 - 3.53, độ lệch chuẩn từ 1.460 - 1.611; tỉnh Lai Châu có giá trị trung bình từ 2.80 - 3.27, độ lệch chuẩn từ 1.438 - 1.568; tỉnh Phú Yên có giá trị trung bình từ 3.57 - 3.71, độ lệch chuẩn từ 0.951 - 1.134; tỉnh Sơn La có giá trị trung bình từ 3.80 - 4.60, độ lệch chuẩn từ 0.507 - 1.320; tỉnh Trà Vinh có giá trị trung bình từ 3.33 - 3.50, độ lệch chuẩn từ 1.155 - 1.435.

Kết quả thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu khá đồng thuận với kết quả khảo sát từ phiếu hỏi. Các ý kiến đều đồng thuận với quy định hiện tại, song cũng đồng thuận với việc cần điều chỉnh, sửa đổi quy định cho phù hợp với quy định mới trong Luật Giáo dục năm 2019 và các văn bản dưới luật mới ban hành.

Như vậy, về giá trị trung bình cho biết các quy định của thông tư về điều kiện, thẩm quyền cơ bản là phù hợp, song sự khác nhau khá lớn về độ lệch chuẩn cho biết các ý kiến khác nhau, phân tán, chưa thống nhất giữa các địa phương (xem Biểu đồ 5).



(Nguồn: Báo cáo xử lý thông tin khảo sát thực tế của Đề tài B2022-VKG-16, năm 2022)

Biểu đồ 5: Điều kiện, thẩm quyền cấp chứng chỉ

2.2.3. Đánh giá chung

a. Những mặt tích cực

Thông tư 36/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số, đã hướng dẫn, giải thích chi tiết, cụ thể những quy định mang tính định hướng trong các văn bản quy phạm pháp luật tạo thuận lợi cho hoạt động tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

Những quy định của Thông tư 36/2012/TT-BGDĐT về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số, giúp cho các cơ sở giáo dục có căn cứ để thực hiện việc dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, viên chức đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi được thuận lợi, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội

ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi và bảo tồn, phát huy, phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số.

Sau một thời gian thực hiện (10 năm) trong thực tế, thông tư đã khẳng định được tính hiệu lực, hiệu quả và tính kinh tế. Nhiều lượt cán bộ công chức, viên chức đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số được học tiếng dân tộc thiểu số (Ví dụ: Tỉnh Phú Yên, từ năm 2018 - 2021 có 1.098 học viên là cán bộ công chức, viên chức được học tiếng dân tộc thiểu số trong đó 1.093 học viên được cấp chứng chỉ; Gia Lai từ 2018 - 2022 có 5.365 học viên là cán bộ công chức, viên chức được học tiếng dân tộc thiểu số trong đó 4.667 học viên được cấp chứng chỉ), góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

b. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Trước yêu cầu đổi mới giáo dục, những quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số của Thông tư bộc lộ những tồn tại, hạn chế như sau:

Thứ nhất: Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng không còn phù hợp với giai đoạn đổi mới giáo dục, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Những quy định: “Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại vùng miền núi, dân tộc thiểu số”, “Áp dụng đối với các trường đại học sư phạm, trường đại học có khoa sư phạm, trường cao đẳng sư phạm, các cơ sở giáo dục được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ dạy học tiếng dân tộc thiểu số và tổ chức, cá nhân có liên quan”, của Thông tư không còn phù hợp thực tế, nguyên nhân là:

- Kết quả khảo sát cho thấy, các quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng phù hợp và khả thi đối với giai đoạn trước đổi mới giáo dục. Trong giai đoạn hiện nay, nếu chỉ dạy tiếng dân tộc thiểu số cho đối tượng “đang” công tác là không hợp lý. Thực tế cần phải bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, viên chức trước khi được điều động đến công tác ở vùng dân tộc thiểu số, không những thế còn bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cả những cán bộ công chức, viên chức mà khi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên tiếp xúc với đồng bào dân tộc thiểu số. Bởi vậy, sự hạn chế về đối tượng người học sẽ là trở ngại lớn cho thực tế.

- Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng dân tộc thiểu số là môn học tự chọn được quy định dạy từ lớp 1 đến lớp 12. Do vậy, việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc cho các trường phổ thông là yêu cầu cấp thiết của đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay, trong khi quy định chỉ đào tạo giáo viên cho các cơ sở dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, viên chức.

- Luật Giáo dục 2019 quy định về cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Do vậy, những quy định của Thông tư 36 về cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên

dạy tiếng dân tộc thiểu số và cơ sở giáo dục dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, viên chức không còn phù hợp với quy định của Luật Giáo dục 2019 (Điều 74, Khoản 1, “Cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo gồm trường sư phạm, cơ sở giáo dục có khoa sư phạm, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo”).

Thứ hai: Quy định về quản lý và tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số không còn phù hợp thực tế đổi mới giáo dục hiện nay. Trong đổi mới giáo dục đã có sự phân định rõ giữa quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo) và quản trị nhà trường của các cơ sở giáo dục:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ theo nội dung quản lý nhà nước về giáo dục (Điều 104, Luật Giáo dục 2019);

- Các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thực hiện quản trị theo chức năng nhiệm vụ được giao (Điều 6, Luật Giáo dục 2019).

Thứ ba: Quy định về giảng viên, giáo viên chưa phù hợp với thực tế. Có đủ số lượng và đạt yêu cầu về trình độ giảng viên, giáo viên theo quy định cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số hay dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, viên chức là vấn đề khó khăn, bất cập hiện nay. Đặc biệt là, với những tiếng dân tộc thiểu số không có nguồn giáo viên như yêu cầu của quy định (tiếng Mông, tiếng Thái, tiếng Ê Đê, M’Nông). Nguyên nhân bất cập này là do chưa chuẩn bị đủ nguồn giảng viên giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số (cả nước có Trường Đại học Trà Vinh là có Khoa Ngữ văn Khmer). Do vậy, cần có chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số không chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi và cả đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số ở các trường phổ thông theo quy định trong kế hoạch giáo dục của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Hiện tại, cần quy định mở về giảng viên, giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số và đối với dân tộc thiểu số thiếu nguồn lực giảng viên, giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số ngoài việc sử dụng giảng viên, giáo viên thỉnh giảng cần bổ sung quy định trợ giảng là người dân tộc thiểu số để hỗ trợ cho giảng viên, giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số.

Thứ tư: Quy định về thẩm quyền cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số không phù hợp với quy định của Luật Giáo dục 2019 và một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, gây ra những khó khăn cho các cơ sở giáo dục khi thực hiện nhiệm vụ (Ví dụ: Luật Giáo dục 2019, Điều 45, Khoản 5: “Học viên học các khóa bồi dưỡng theo các hình thức khác nhau được dự thi, nếu đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục quy

định tại điểm b và điểm c, Khoản 1, Điều 43 của Luật này thì được cấp chứng chỉ tương ứng với chương trình học”; quyết định 33, Điều 2, Khoản 2: “Văn bằng, chứng chỉ được quản lý thống nhất, thực hiện phân cấp quản lý, bảo đảm quyền và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục”.

2.3. Một số khuyến nghị về giải pháp đổi mới

Để cải thiện và nâng cao chất lượng dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính sách dạy tiếng dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp chủ yếu đề sửa đổi, bổ sung Thông tư 36/2012/TT-BGDĐT như sau:

- Đổi mới quy định về giao nhiệm vụ dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, viên chức cho các cơ sở giáo dục theo hướng phân cấp, phân quyền sâu hơn nhằm tăng số lượng, nâng cao chất lượng dạy tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

- Đổi mới quy định về quản lý và tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức, viên chức theo quy định mới của Luật Giáo dục năm 2019.

- Đổi mới quy định về đối tượng và điều kiện được dự kiểm tra theo hướng mở rộng đối tượng, không chỉ dành cho cán bộ công chức, viên chức đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số mà cả đối tượng chuẩn bị đến công tác ở vùng dân tộc thiểu số hay đối tượng thường xuyên tiếp xúc với đồng bào dân tộc thiểu số khi thực thi công vụ.

- Đổi mới quy định về nội dung, yêu cầu và thời lượng kiểm tra theo hướng đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục quy định trong Luật Giáo dục 2019.

- Đổi mới quy định về điều kiện, thẩm quyền cấp chứng chỉ theo những quy định mới của Luật Giáo dục 2019.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng thực hiện Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT trong thực tiễn đã khẳng định những mặt tích cực ở trên các khía cạnh giáo dục, phát triển nguồn nhân lực và tác động đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số. Đồng thời, một số quy định của Thông tư đã thể hiện sự hạn chế, bất cập trong giai đoạn đổi mới giáo dục, thực hiện Luật Giáo dục 2019 và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, thực hiện Luật Giáo dục 2019, việc sửa đổi bổ sung những nội dung cơ bản của Thông tư 36/2012/TT-BGDĐT không chỉ tháo gỡ khó khăn trong thực tiễn mà còn đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp của thông tư.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đăng Thành, (2012), *Đánh giá chính sách công ở Việt Nam: Vấn đề và giải pháp*, Tạp chí Cộng sản (<https://www.tapchicongsan.org.vn/nghien-cu/-/2018/19245/danh-gia-chinh-sach-cong-o-viet-nam--van-de-va-giai-phap.aspx>).
- [2] Nguyễn Thiện Giáp, (2006), *Chính sách ngôn ngữ của Việt Nam qua các thời kì lịch sử*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 1.
- [3] Hà Đức Đà (2017), *Nghiên cứu đánh giá chính sách cử tuyển giai đoạn 2006-2016 và đề xuất các chính sách và giải pháp thực hiện chính sách cử tuyển trong giai đoạn tới*, mã số B2017-VKG-08.
- [4] Chính phủ, (15/7/2010), *Nghị định số: 82/2010/NĐ-CP quy định việc dạy và học tiếng nói chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên*.
- [5] Thủ tướng Chính phủ, (09/11/2004), *Chỉ thị số: 38/2004/CT-TTg về việc Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi*.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo (24/10/2012), *Thông tư 36/2012/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số*.
- [7] Trần Thị Yên, (02/2018), *Chính sách cử tuyển, những vấn đề còn tồn tại trong quá trình thực thi*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 2.
-

POLICIES ON TEACHING ETHNIC MINORITY LANGUAGE FOR OFFICIALS AND CIVIL SERVANTS WORKING IN MOUNTAINOUS AREAS, ETHNIC MINORITY AREAS: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Tran Thi Yen

Email: yentt@vnies.edu.vn
The Vietnam National Institute of Educational Sciences
No.4 Trinh Hoai Duc, Dong Da, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *Vietnam's Education Law 2019 went into effect on July 1, 2020, meeting the requirements of fundamental and comprehensive reform of education and training. When the education law has come into effect, it requires documents under the law to be amended, adjusted or newly promulgated to comply with the new provisions of the Law on Education. Therefore, the article focuses on the implementation of regulations on teaching ethnic minority languages for officials and civil servants working in mountainous and ethnic minority areas in Circular No. 36/2012/TT-BGDĐT and proposes amended and supplemented solutions to improve its capacity and effectiveness in practice.*

KEYWORDS: Policy, language policy, ethnic minorities, ethnic minority languages, teaching and learning ethnic minority languages.